

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2025/DS-ST**

Ngày: 23-6-2025

V/v: “**Tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Lam**

2. Ông **Lê Văn Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/TB-TA ngày 04/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Ngọc V**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: thôn S, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt, ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà là người thu mua cà phê tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Từ việc quen biết ông Phạm Ngọc V nên ông cho biết có 08 hecta cây cà phê tại xã N, huyện Đ. Vì

vậy, giữa bà với ông V thoả thuận, ông V sẽ bán cho bà cà phê nhân khô loại Robusta nên ngày 07/7/2023, hai bên chốt giá là 33.000đ/01kg. Bà có giao cho ông V số tiền 165.000.000đ tương đương 5000kg, ông V nhận tiền và có viết giấy giao bà giữ. Tiếp đó, ngày 26/9/2023 hai bên thoả thuận bà giao cho ông V số tiền 180.000.000đ cũng chốt giá 33.000đ/01kg cà phê nhân khô tương đương 5.454kg. Ngoài ra, bà có đưa thêm 8.000.000đ cũng quy ra 33.000đ/01kg tương đương 242kg. Số tiền 188.000.000đ và số lượng cà phê nhân khô là 10.697kg ông V có viết vào giấy mua bán ngày 07/7/2023. Tổng số tiền bà giao cho ông V là 353.000.000đ. Ông V hẹn đến tháng 12/2023 sẽ thu hoạch cà phê và giao cho bà.

Ngoài ra, ông V nói với bà là sẽ bán cà phê tươi loại Robusta cho vợ chồng bà nên ông Nguyễn Văn H (chồng bà) có dùng tài khoản số 5408012399999 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Di Linh chuyển vào tài khoản của ông V số 0975804982 mở tại Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội vào các ngày 11, 13, 14, 17, 21/12/2023 tổng số tiền là 333.000.000đ. Sau đó, ông V có giao cho bà được một lượng cà phê quả tươi tính thành tiền là 228.613.000đ. Qua tính toán số lượng cà phê đã giao và số tiền đã chuyển cho ông V thì ông V còn nợ 104.387.000đ. Số tiền còn nợ này ông V thoả thuận chốt với bà thành cà phê vỏ khô loại Robusta với giá là 28.000đ/kg thành số lượng 3.728kg. Theo giá thị trường hiện nay cà phê Robusta vỏ khô có giá là 60.000đ/kg nên số tiền ông V còn nợ là 223.686.000đ (3.728kg x 60.000đ/kg). Tuy nhiên, ông V có chuyển vào tài khoản của ông H số tiền 45.000.000đ vào ngày 15/02/2024, 15.000.000đ vào ngày 28/02/2024, 10.000.000đ vào ngày 24/3/2024, 13.000.000đ vào ngày 15/4/2024, 21.000.000đ vào ngày 14/5/2024, tổng cộng là 104.000.000đ. Qua tính toán thì ông V còn nợ số tiền cà phê vỏ khô là 119.686.000đ (223.686.000đ - 104.000.000đ).

Bà tìm hiểu được biết ông V không có 08 hecta cây cà phê tại xã N, huyện Đ như ông V cho biết. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông V trả lại tiền nhưng không thực hiện. Bà có làm đơn tố cáo ông V về hành vi chiếm đoạt tiền của bà đến Công an tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, Công an tỉnh Lâm Đồng xác định tranh chấp giữa bà với ông V là tranh chấp về giao dịch dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2024, bà yêu cầu ông V phải trả 1.293.386.000đ tiền mua bán cà phê trong đó 1.069.700.000đ cà phê loại Robusta nhân khô (10.697kg x 100.000đ/01kg tại thời tháng 11/2024) và 223.686.000đ cà phê Robusta vỏ khô (3.728kg x 60.000đ/01kg tại thời tháng 11/2024). Nay bà chỉ yêu cầu ông V trả số tiền 1.069.700.000đ giá trị số lượng 10.697kg cà phê loại Robusta nhân khô. Bà xin rút lại yêu cầu buộc ông V phải trả số tiền 223.686.000đ giá trị số lượng 3.728kg cà phê loại Robusta vỏ khô so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Số tiền 1.069.700.000đ là tài sản chung của bà và ông H. Do đó, bà yêu cầu ông V trả cho vợ chồng bà số tiền trên. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị H là vợ chồng. Số tiền 1.069.700.000đ là tài sản chung của bà H và ông nên thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông V phải trả cho vợ chồng ông số tiền nêu trên.

Bị đơn ông Phạm Ngọc V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Mặt khác, bà H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H yêu cầu ông V phải trả cho vợ chồng bà số tiền 1.069.700.000đ (10.697kg cà phê loại Robusta nhân khô x 100.000đ/01kg). Bà xin rút lại yêu cầu buộc ông V phải trả số tiền 223.686.000đ giá trị số lượng 3.728kg cà phê loại Robusta vỏ khô so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” đối với bị đơn ông Phạm Ngọc V.

Buộc ông Phạm Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn H số tiền 1.069.700.000đ (*Một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc V phải trả số tiền 223.686.000đ (*Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc ông Phạm Ngọc V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông V phải trả 1.069.700.000đ tiền mua bán cà phê loại Robusta nhân khô. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn S, xã R, huyện

Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 03 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V theo thủ tục chung.

[1.3] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc nghĩa vụ của đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 1.069.700.000đ tiền mua bán cà phê loại Robusta nhân khô thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2] Nguyên đơn bà H cho rằng, xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên giữa bà H và ông V có thỏa thuận là ông V sẽ bán cà phê loại Robusta nhân khô cho bà H, hai bên chốt giá 33.000đ/kg nên ngày 07/7/2023 bà H có giao cho ông V số tiền 165.000.000đ, ngày 26/9/2023 giao 180.000.000đ, ngoài ra có giao thêm số tiền 8.000.000đ, ông V có ghi sổ tiền đã nhận, giá chốt 33.000đ/kg vào giấy và giao cho bà H giữ, tổng số tiền bà H đã giao cho ông V là 353.000.000đ tương ứng số lượng 10.697kg cà phê loại Robusta nhân khô và ông V hẹn đến tháng 12/2023 thu hoạch cà phê sẽ giao cho bà. Qua tìm hiểu bà được biết ông V không có 08 hecta cây cà phê tại xã N, huyện Đ như ông V cho biết. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông V trả lại tiền nhưng không thực hiện. Bà có làm đơn tố cáo ông V về hành vi chiếm đoạt tiền của bà đến Công an tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, tại phiếu hướng dẫn số 199/PHD- VPCQCSĐT ngày 18/9/2024, của Công an tỉnh Lâm Đồng xác định tranh chấp giữa bà với ông V là tranh chấp về giao dịch dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông V phải trả 1.293.386.000đ tiền mua bán cà phê, trong đó 1.069.700.000đ cà phê loại Robusta nhân khô (10.697kg x 100.000đ/01kg) và 223.686.000đ cà phê Robusta vỏ khô (3.728kg x 60.000đ/01kg).

[2.3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn bà H có giao nộp cho Tòa án bản chính giấy mua bán cà phê ngày 07/7/2023 (bút lục 83) thể hiện nội dung “*Hôm nay ngày 07/07/2023, đã chốt cho chị Hùng Huệ 5 tấn cà phê khô (cà phê nhân) giá chốt 33.000đ/1kg, tổng giá trị 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) đã nhận đủ tiền, thêm 8.000.000đ đã nhận*

trước chưa ký. Ngày 26/9/2023, tôi chốt cả phê giá 33.000đ/kg, tôi đã nhận 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn)", giấy mua bán có chữ ký ghi họ tên của ông V. Như vậy, theo giấy mua bán cả phê nêu trên thì có căn cứ xác định giữa bà H và ông V xác lập giao dịch mua bán cả phê loại Robusta nhân khô vào ngày 07/7/2023 và ngày 26/9/2023, hai bên chốt giá là 33.000đ/kg, việc các bên thoả thuận mua bán và chốt giá được thể hiện trong giấy mua bán mà ông V viết và giao cho bà H giữ, bà H đã giao tiền và ông V xác nhận đã nhận tổng số tiền 353.000.000đ tương ứng với số lượng cả phê nhân khô là 10.697kg. Ông V hẹn đến tháng 12/2023, sẽ thu hoạch và giao số lượng cả phê cho bà H nhưng không thực hiện là vi phạm thoả thuận mua bán giữa các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số lượng cả phê loại Robusta nhân khô mà bà H, ông V thoả thuận mua bán là 10.697kg.

[2.4] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn ông V. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có văn bản gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ đề nghị cho biết giá thị trường cả phê loại Robusta nhân khô, vỏ khô trên địa bàn huyện Đ là bao nhiêu tiền/01kg. Tại văn bản số 252/TCCKH ngày 22/4/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ cho biết giá thị trường cả phê (Robusta) thời điểm tháng 11/2024 loại nhân khô là 102.000đ/kg, loại vỏ khô là 60.000đ/kg (bút lục 66).

[2.5] Theo giá thị trường do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ cung cấp thì số lượng cả phê loại Robusta nhân khô có giá trị là 1.091.094.000đ (10.697kg x 102.000đ/kg). Tuy nhiên, nguyên đơn bà H khởi kiện chỉ yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền 1.069.700.000đ (10.697kg x 100.000đ/kg) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Bà H và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng và đều xác định số tiền 1.069.700.000đ là tài sản chung nên buộc ông V có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho bà H, ông H là phù hợp.

[2.6] Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên. Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông V có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà H, ông H số tiền 1.069.700.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 430, 431, 433, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2024, bà H yêu cầu ông V phải trả 1.293.386.000đ tiền mua bán cả phê trong đó 1.069.700.000đ cả phê loại Robusta nhân khô (10.697kg x 100.000đ/01kg) và 223.686.000đ cả phê Robusta vỏ khô (3.728kg x 60.000đ/01kg). Ngày 18/3/2025, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông V phải trả số tiền 223.686.000đ cả phê Robusta vỏ khô. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn

tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông V phải trả số tiền 223.686.000đ.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên buộc bị đơn ông V phải chịu 44.091.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 207, 220, 227, 228, 244, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 430, 431, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” đối với bị đơn ông Phạm Ngọc V.

Buộc ông Phạm Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn H số tiền 1.069.700.000đ (*Một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc V phải trả số tiền 223.686.000đ (*Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

3. Về án phí: Buộc ông Phạm Ngọc V phải chịu 44.091.000đ (*Bốn mươi bốn triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn